

Bản án số: 111/2024/HSST
Ngày: 18-6-2024

Y DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN Y DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Lê Việt PH.

Các Hội thẩm y dân: Ông Lê Công Đoàn và bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án y dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát y dân huyện K, TP. Hà Nội tham gia Phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2024, tại trụ sở Tòa án y dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/TLST-HS ngày 21/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HS ngày 05/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÒ C** (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1987; nơi thường trú: Thôn K, xã Nn, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: H'Mông; tôn giáo: Không; con ông Lò Khái Ch và bà Thào Thị H; vợ con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án:

- Bản án số 46/2013/HSST ngày 04/02/2013 của TAND huyện M xử phạt Lò C 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 05/2015/HSST ngày 21/4/2015 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội xử phạt Lò C 05 năm tù về tội "Phá hủy công trình quan trọng về n quốc gia".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/10/2023, đến ngày 13/10/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại Phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Lê Quang Đạo – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị H, sinh năm: 1996; nơi thường trú: T, xã T, huyện B, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Số 291 R, thị trấn D, huyện K, thành phố Hà Nội (có mặt).

+ Chị Trần Ngọc L, sinh năm: 1998; nơi thường trú: Thôn M, xã A N, huyện B, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1982; nơi thường trú: Thôn Hảo, xã X, huyện N, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1992; nơi thường trú: Tổ dân phố Yên Xá, phường Phan Đình P, thị xã G, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bản thân Lò C là người không có việc làm, không có thu nhập và chỗ ở ổn định, nên nảy sinh ý định đưa hình ảnh và các thông tin không đúng của bản thân lên các trang mạng xã hội mục đích giả tạo là người có việc làm ổn định để các bạn nữ sau khi quen tin tưởng là thật để cho vay tiền sau đó chiếm đoạt tiêu xài cá y. Tháng 9/2021, qua mạng xã hội facebook C làm quen với chị Trần Thị H, sinh năm: 1996, nơi thường trú: T, T, B, Nam Định (*hiện làm việc và sinh hoạt tại: Số 291 R, thị trấn D, huyện K, thành phố Hà Nội*), C tự giới thiệu tên là Lê T, sinh năm: 1992, quê quán: S, Lào Cai, là trẻ mồ côi, làm trong lực lượng vũ trang khiến chị H tin tưởng là thật. Từ tháng 9/2021 đến tháng 9/2023, Lò C hỏi vay chị H nhiều lần với tổng số tiền 402.050.000 đồng của chị H để làm ăn và hứa hẹn sẽ trả cho chị H tiền. Chị H đồng ý cho Lò C vay số tiền 402.050.000 đồng thông qua hình thức sử dụng số tài khoản 19034747765017 tại Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Thị H chuyển tiền vào số tài khoản 0591000284248 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Đỗ Thị T và tài khoản 1201000868947 mang tên Nguyễn Thị S tại Ngân hàng BIDV. Chị H đã chuyển tổng số tiền cho Lò C là 402.050.000 đồng. Ngày 27/7/2023, Cho đã trả cho chị H 9.000.000 đồng, số tiền còn lại 393.050.000 đồng C đã chiếm đoạt và tiêu xài cá y hết và trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Ngày 25/9/2023, chị Trần Thị H có đơn trình báo đến Công an huyện K.

Ngoài ra từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2023 cũng với thủ đoạn trên Lò C có quen chị Trần Ngọc L, sinh năm: 1998, nơi thường trú: M, N, L, Hà Nam và tự giới thiệu tên là Lê T, sinh năm: 1992, quê quán: S, Lào Cai, là trẻ mồ côi, làm trong lực lượng vũ trang khiến chị L tin tưởng là thật, nên khi Cho hỏi vay tiền thì chị L đồng ý chuyển số tiền 141.550.000 đồng vào tài khoản Vietcombank số 0591000284248 mang tên Đỗ Thị T và tài khoản 1201000868947 mang tên Nguyễn Thị S Ngân hàng BIDV. Ngày 12/10/2022, C đã trả 40.000.000 đồng còn 101.550.000 đồng C chiếm đoạt tiêu xài cá y và trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Ngày 07/10/2023, chị Trần Ngọc L có đơn trình báo đến Công an huyện K.

Tại Cơ quan điều tra – Công an huyện K, Lò C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Vật chứng thu giữ của Lò C: 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong lắp số sim 0981808141; 01 điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp số sim 1 là 0974645344, sim 2 là 0392927887 và 01 xe máy nhãn hiệu Grande màu đen BKS 34B3-299.72, số khung E3N4E139758, số máy 7620GY015300, đã qua sử dụng.

Tạm giữ của ông Nguyễn Duy J, sinh: 1950, nơi thường trú: Liêu Thượng, X, N, Hưng Yên (chủ nhà trọ nơi Lò C thuê): 01 bộ quần áo màu xanh rêu đậm có quân hàm đại úy, biển tên mang tên Lê T huy hiệu chiến thắng, trang phục của Quân đội y dân Việt Nam; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 đôi tất màu xanh rêu đậm; 01 thắt lưng có huy hiệu ngôi sao. Tạm giữ số tiền 564.285 đồng trong tài khoản số 0591000284248 mang tên Đỗ Thị T tại ngân hàng Vietcombank.

Quá trình điều tra, Lò C còn khai nhận đã vay của 04 người khác, cụ thể: Khoảng tháng 8 đến tháng 9 năm 2023, Cho có vay của chị Vũ Thị Nguyệt, sinh năm: 1991, nơi thường trú: Trại Na, E, N, Bắc Giang số tiền 27.500.000 đồng. Cho đã trả chị Nguyệt 9.500.000 đồng, còn nợ số tiền 18.000.000 đồng; từ cuối năm 2022 đến tháng 8/2023, Cho vay của chị Hứa Thị Y, sinh năm: 1993, nơi thường trú: Cốc Nháng, M, O, Lạng Sơn số tiền 20.000.000 đồng; từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, Cho vay của chị Phá Thị M (tên gọi khác: Nhiên), sinh năm: 2000, nơi thường trú: Thăm Xét, Co Tòng, Thuận ChJ, Sơn La số tiền 50.000.000 đồng; ngày 01/10/2023 Cho vay của chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1992, nơi thường trú: TDP Yên Xá, Phan Đình P, thị xã G, Hưng Yên số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay các chị Nguyệt, chị Y, chị M và chị T khai đã cho Lò C vay tiền và không yêu cầu bồi thường. Do vậy, đây là quan hệ dân sự, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Lò C.

Đối với anh Nguyễn Duy J đã cho Lò C thuê nhưng anh J không biết hành vi lừa đảo của Cho, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị S cho Lò C mượn số tài khoản 1201000868947 mang tên Nguyễn Thị S tại ngân hàng BIDV và chị Đỗ Thị T cho Lò C sử dụng số tài khoản 0591000284248 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Đỗ Thị T để các chị L, chị H chuyển tiền vào tài khoản nhưng chị S và chị T không biết C sử dụng số tài khoản đó chiếm đoạt tiền, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không xem xét xử lý hình sự.

Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng, có số sim 0981808141 thu giữ của bị can Lò C là tài sản của Cho liên quan hành vi phạm tội. Đối với 01 điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp số sim 1 là 0974645344, sim 2 là 0392927887 là điện thoại Lò C dùng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Grande màu đen BKS 34B3-299.72, số khung E3N4E139758, số máy 7620GY015300, thu giữ của bị can Lò C. Quá trình điều tra xác minh xác định chủ đăng ký xe là anh Nguyễn Minh P, trú tại: L, D, Cẩm Giàng, Hải Dương. Tuy nhiên, anh P đã bán lại chiếc xe cho chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1992, nơi thường trú: Yên Xá, Phan Đình P, G, Hưng Yên. Ngày 03/10/2023, chị T cho Lò C mượn chiếc xe máy để sử dụng đi lại. Do đó, ngày 24/4/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài sản trả chiếc xe máy trên cho chị Đỗ Thị T.

Đối với 01 bộ quần áo màu xanh rêu đậm có quân hàm đại úy, biển tên mang tên Lê T huy hiệu chiến thắng, trang phục của Quân đội y dân Việt Nam; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 đôi tất màu xanh rêu đậm; 01 thắt lưng có huy hiệu ngôi sao là đồ vật Cho sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo. Đối với số tiền 564.285 đồng trong

tài khoản số 0591000284248 mang tên Đỗ Thị T tại ngân hàng Vietcombank, là số tiền Lò C thực hiện hành vi lừa đảo mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị H yêu cầu Lò C phải bồi thường số tiền là 393.050.000 đồng và bồi thường cho chị Trần Ngọc L số tiền là 101.550.000 đồng.

Bản cáo trạng số 103/CT-VKSGL ngày 20/5/2024, Viện Kiểm sát y dân huyện K đã truy tố bị cáo Lò C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá chứng cứ, phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX: Áp dụng, điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò C từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải trả cho chị Trần Thị H số tiền là 393.050.000 đồng và trả cho chị Trần Ngọc L số tiền là 101.550.000 đồng.

Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 564.285 đồng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo màu xanh rêu đậm có quân hàm đại úy, biên tên mang tên Lê T huy hiệu chiến thắng, trang phục của Quân đội y dân Việt Nam; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 đôi tất màu xanh rêu đậm; 01 thắt lưng có huy hiệu ngôi sao; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng, có số sim 0981808141 thu giữ của bị can Lò C là tài sản của Cho liên quan hành vi phạm tội;

Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp số sim 1 là 0974645344, sim 2 là 0392927887 là điện thoại Lò C dùng để liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tại Pên tòa người bào chữa cho bị cáo Lò C trình bày: Bị cáo Lò C là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong quá trình điều tra và tại Pên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt bằng mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị và xem xét miễn tiền án phí hình sự và dân sự đối với bị cáo.

Tại Pên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát y dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại Pên tòa bị cáo Lò C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo

phù hợp với lời khai của bị hại chị Trần Thị H, chị Trần Ngọc L; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S, chị Đỗ Thị T; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đầy đủ cơ sở để kết luận: Do không có công việc làm, thu nhập ổn định nên Lò C đã nảy sinh ý định đưa hình ảnh và các thông tin cá y không đúng của bản thân lên các trang mạng xã hội. Mục đích giả tạo là người có việc làm ổn định để các bạn nữ sau khi quen tin tưởng là thật sau đó C vay tiền rồi chiếm đoạt tiêu xài cá y, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 9/2023, Lò C sử dụng thủ đoạn gian dối giả danh tên Lê T, sinh năm: 1992, quê quán: S, Lào Cai, là cán bộ làm việc tại Trạm phát sóng của Tập đoàn Viettel khiến chị Trần Thị H (thời điểm này là y viên bán thuốc tây tại: thị trấn D, huyện K) tin là thật, hai bên gặp nhau Lò C đã vay của chị H số tiền 402.050.000 đồng, ngày 27/7/2023 C đã trả 9.000.000 đồng, số tiền còn lại 393.050.000 đồng, Lò C đã chiếm đoạt, tiêu xài cá y hết sau đó trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Cũng bằng thủ đoạn trên tại địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, chị Trần Ngọc L cho Lò C vay số tiền 101.550.000 đồng, sau đó Lò C đã chiếm đoạt, tiêu xài cá y hết và trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị H và chị L là 494.600.000đ (*bốn trăm chín mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Lò C đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Liên quan trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị S cho Lò C mượn số tài khoản 1201000868947 mang tên Nguyễn Thị S tại ngân hàng BIDV và chị Đỗ Thị T cho Lò C sử dụng số tài khoản 0591000284248 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Đỗ Thị T để các bị hại chị L, chị H chuyển tiền vào tài khoản nhưng chị S và chị T không biết C sử dụng số tài khoản đó để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không xem xét xử lý hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất n trật tự tại địa pH. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo C ra xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét y thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo C là người có y thân xấu, có 02 tiền án, cụ thể: 01 tiền án về tội: Trộm cắp tài sản (Bản án số 46 ngày 04/02/2013 của TAND huyện M); 01 tiền án về tội: Phá hủy công trình quan trọng về n quốc gia (Bản án số 05/2015/HSST ngày 21/4/2015 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội) chưa được xóa án tích. Đối với bản án số 05/2015/HSST ngày 21/4/2015 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*”, đến nay bị cáo chưa thi hành quyết định của bản án 46 ngày 04/02/2013 của TAND huyện M, nên xác định lần phạm tội này của bị cáo là “*Tái phạm nguy hiểm*”, trong vụ án này bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cũng xét, quá trình điều tra và tại Pên tòa hôm nay bị cáo cơ bản đã thành khẩn khai báo

và tỏ ra ăn năn hối cải, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Cần thiết phải cách ly bị cáo C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 393.050.000 đồng; chị Trần Ngọc L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 101.550.000 đồng. Tại Pên tòa bị cáo C chấp nhận trả lại cho các bị hại khoản tiền trên. Việc bị cáo tự nguyện bồi thường trả lại cho các bị hại là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng, có số sim 0981808141 và số tiền 564.285 đồng thu giữ của Lò C đây là tài sản bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

- 01 bộ quần áo màu xanh rêu đậm có quân hàm đại úy, biển tên mang tên Lê T huy hiệu chiến thắng, trang phục của Quân đội y dân Việt Nam; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 đôi tất màu xanh rêu đậm; 01 thắt lưng có huy hiệu ngôi sao thu giữ của Lò C đây là các đồ vật bị cáo mua để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp số sim 1 là 0974645344, sim 2 là 0392927887 là điện thoại thu giữ của Lò C không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo để sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại, nên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Grande màu đen BKS 34B3-299.72, số khung E3N4E139758, số máy 7620GY015300, thu giữ của bị can Lò C. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô là của chị Đỗ Thị T, chị T cho Lò C mượn chiếc xe máy để sử dụng, do không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe mô tô trên cho chị T, nên không đề cập xử lý.

[8] Các vấn đề khác:

- Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Lò C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt, áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lò C 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/10/2023.

- *Về dân sự, áp dụng:* Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lò C phải trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 393.050.000đ (*Ba trăm chín mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*); trả lại cho chị Trần Ngọc L số tiền 101.550.000đ (*Một trăm L một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H và chị L có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo C không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo C còn phải trả cho chị H và chị L số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

- *Về vật chứng, áp dụng:* Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng, có số sim 0981808141 và số tiền 564.285đ (*năm trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*), số tiền theo biên lai thu số 0003909 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 22/5/2024.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo màu xanh rêu đậm có quân hàm đại úy, biển tên mang tên Lê T huy hiệu chiến thắng, trang phục của Quân đội y dân Việt Nam; 01 đôi giày giả da màu đen; 01 đôi tất màu xanh rêu đậm; 01 thắt lưng có huy hiệu ngôi sao.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng bên trong lắp số sim 1 là 0974645344, sim 2 là 0392927887 nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Vật chứng nêu trên, tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K, TP. Hà Nội ngày 21/5/2024.

- *Về án phí, áp dụng:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò C.

- *Về quyền kháng cáo, áp dụng:* Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- TT lý lịch tư pháp TW-Bộ Tư pháp;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Lê Việt PH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Lê Việt PH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Lê Việt PH